|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu 05/KHCN-HTQT**  Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018  Ngày nhận báo cáo: | **HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** (Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2024) | **- Đơn vị báo cáo:**  ………………………………………  ………………………………...........  **- Đơn vị nhận báo cáo:**  Trung tâm Thông tin - Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Mã số** | **Đơn vị tính** | **Tổng số** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** |
| A | B | C | 1 | 2 |
| **1. Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN** | 01 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| ***1.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu*** |  |  |  |  |
| - Khoa học tự nhiên | 02 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Khoa học kỹ thuật và công nghệ | 03 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Khoa học y, dược | 04 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Khoa học nông nghiệp | 05 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Khoa học xã hội | 06 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Khoa học nhân văn | 07 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| ***1.2. Chia theo hình thức hợp tác*** |  |  |  |  |
| - Đa phương | 08 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Song phương | 09 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| ***1.3. Chia theo đối tác quốc tế*** |  |  |  |  |
| - Nước/tổ chức ... | 10 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Nước/tổ chức ... | 11 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| ***1.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí*** |  |  |  |  |
| - Trong nước | 12 | *Triệu đồng* | X |  |
| - Nước ngoài | 13 | *Triệu đồng* | X |  |
| ***1.5. Chia theo cấp quản lý*** |  |  |  |  |
| - Cấp quốc gia | 15 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Cấp bộ | 16 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Cấp tỉnh | 17 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| - Cấp cơ sở | 18 | *Nhiệm vụ* |  |  |
| **2. Số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&CN được ký kết** | 19 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| ***2.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu*** |  |  |  |  |
| - Khoa học tự nhiên | 20 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| - Khoa học kỹ thuật và công nghệ | 21 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| - Khoa học y, dược | 22 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| - Khoa học nông nghiệp | 23 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| - Khoa học xã hội | 24 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| - Khoa học nhân văn | 25 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| ***2.2. Chia theo đối tác quốc tế*** |  |  |  |  |
| - Nước/tổ chức ... | 26 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| - Nước/tổ chức ... | 27 | *Điều ước/thỏa thuận* |  |  |
| **3. Số đoàn ra về KH&CN** | 28 | *Đoàn* |  |  |
| ***3.1. Chia theo nước đến nghiên cứu*** |  |  |  |  |
| - … | 29 | *Đoàn* |  | X |
| - … | 30 | *Đoàn* |  | X |
| ***3.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện*** |  |  |  |  |
| - Trong nước | 31 | *Triệu đồng* | X |  |
| - Nước ngoài | 32 | *Triệu đồng* | X |  |
| **4. Số đoàn vào về KH&CN** | 33 | *Đoàn* |  |  |
| ***4.1. Chia theo nước cử đến nghiên cứu*** |  |  |  |  |
| - … | 34 | *Đoàn* |  | X |
| - … | 35 | *Đoàn* |  | X |
| ***4.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện*** |  |  |  |  |
| - Trong nước | 36 | *Triệu đồng* | X |  |
| - Nước ngoài | 37 | *Triệu đồng* | X |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** *(ký, ghi rõ họ tên)* | **Người kiểm tra biểu** *(ký, ghi rõ họ tên)* | *….., ngày…….tháng…….năm…..* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 05/KHCN-HTQT HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

*Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN* là đề tài/đề án/dự án KH&CN hợp tác xây dựng, tổ chức thực hiện và đóng góp kinh phí giữa các tổ chức KH&CN Việt Nam với các đối tác nước ngoài theo thỏa thuận bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

*Điều ước quốc tế* là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với bên ký kết nước ngoài, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế, không phụ thuộc vào tên gọi là hiệp ước, công ước, hiệp định, định ước, thỏa thuận, nghị định thư, bản ghi nhớ, công hàm trao đổi hoặc văn kiện có tên gọi khác.

*Thỏa thuận quốc tế* được ký kết với tên gọi là *Thỏa thuận, Bản ghi nhớ, Biên bản thỏa thuận, Biên bản trao đổi, Chương trình hợp tác, Kế hoạch hợp tác hoặc tên gọi khác* là cam kết bằng văn bản về hợp tác quốc tế được ký kết nhân danh cơ quan nhà nước ở Trung ương, cơ quan cấp tỉnh, cơ quan Trung ương của tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình với một hoặc nhiều bên ký kết nước ngoài, trừ các nội dung sau đây:

a) Hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia;

b) Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tương trợ tư pháp;

c) Tham gia tổ chức quốc tế liên chính phủ;

d) Hỗ trợ phát triển chính thức thuộc quan hệ cấp Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam;

đ) Các vấn đề khác thuộc quan hệ cấp Nhà nước hoặc Chính phủ theo quy định của pháp luật.

*Đoàn ra về KH&CN (Đoàn ra)* là đoàn hoặc cá nhân cán bộ, công chức, viên chức được cử đi công tác nước ngoài để nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo về KH&CN hoặc giải quyết công việc liên quan đến hoạt động KH&CN.

Số đoàn ra được tính theo số đoàn được cử ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo hoặc giải quyết công việc liên quan đến hoạt động KH&CN bằng một quyết định hành chính của người có thẩm quyền;

- Số đoàn ra và kinh phí của đơn vị được cử ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát, làm việc về KH&CN;

- Số đoàn vào và kinh phí được đơn vị chủ trì đón vào nghiên cứu, khảo sát, làm việc về KH&CN.

*Đoàn vào về KH&CN (Đoàn vào)* là đoàn của cơ quan, tổ chức nước ngoài và cá nhân mang quốc tịch nước ngoài đến Việt Nam nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo hoặc giải quyết công việc liên quan đến hoạt động KH&CN với các tổ chức, cơ quan của Việt Nam.

Đoàn vào là một lần đoàn quốc tế được mời vào nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo về KH&CN tại Việt Nam.

Phương pháp tính: Tổng số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN trong kỳ báo cáo.

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi tổng số của từng chỉ tiêu theo đơn vị tính.

Cột 2: Ghi tổng kinh phí các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN, tổng số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&CN được ký kết, chi phí cho các đoàn ra và đoàn vào. Đơn vị tính là triệu đồng.

**Mục 1. Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN**

Ghi số đề tài/đề án/dự án và kinh phí hợp tác quốc tế mà đơn vị báo cáo là đối tác chính từ phía Việt Nam hoặc là đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ.

***Mục "1.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu":*** Ghi số nhiệm vụ và kinh phí hợp tác quốc tế chia theo lĩnh vực nghiên cứu. Chỉ cần ghi chi tiết đến cấp 1 của Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN như sau:

- Khoa học tự nhiên;

- Khoa học kỹ thuật và công nghệ;

- Khoa học y, dược;

- Khoa học nông nghiệp;

- Khoa học xã hội;

- Khoa học nhân văn.

***Mục "1.2. Chia theo hình thức hợp tác":*** Ghi số nhiệm vụ và kinh phí hợp tác quốc tế theo hình thức hợp tác gồm:

- Đa phương;

- Song phương.

***Mục "1.3. Chia theo đối tác quốc tế":*** Ghi số nhiệm vụ và kinh phí chia theo nước hoặc tổ chức quốc tế đối tác, ví dụ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *1.3. Chia theo đối tác quốc tế* | Mã số | Đơn vị tính | Tổng số | Tổng kinh phí (triệu đồng) |
| Hoa Kỳ |  | *Nhiệm vụ* | 1 | 700 |
| World Bank |  | *Nhiệm vụ* | 1 | 400 |

***Mục “1.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí”:*** Ghi kinh phí hợp tác quốc tế chia theo nguồn cấp bao gồm: Trong nước và Nước ngoài.

Tổng kinh phí hợp tác quốc tế về KH&CN bao gồm kinh phí do phía Việt Nam cấp và kinh phí đối ứng của nước ngoài. Ghi tổng số kinh phí trong năm báo cáo của các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN trong kỳ báo cáo.

Lưu ý: Các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi bao gồm: vốn ODA viện trợ không hoàn lại được tính là kinh phí nước ngoài; vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi được tính là Ngân sách nhà nước.

***Mục “1.5. Chia theo cấp quản lý”:*** Ghi số lượng nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN theo cấp quản lý: cấp quốc gia; cấp bộ; cấp tỉnh và cấp cơ sở.

**Mục 2. Số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&CN được ký kết**

Điều ước quốc tế là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với bên ký kết nước ngoài.

Thỏa thuận quốc tế là cam kết bằng văn bản về hợp tác quốc tế được ký kết nhân danh cơ quan nhà nước ở Trung ương, cơ quan cấp tỉnh, cơ quan Trung ương của tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình với một hoặc nhiều bên ký kết nước ngoài.

***Mục "2.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu":*** Ghi số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&CN được ký kết chia theo lĩnh vực nghiên cứu. Chỉ cần ghi chi tiết đến cấp 1 của Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định 12/2008/QĐ-BKHCN như sau:

- Khoa học tự nhiên;

- Khoa học kỹ thuật và công nghệ;

- Khoa học y, dược;

- Khoa học nông nghiệp;

- Khoa học xã hội;

- Khoa học nhân văn.

***Mục "2.2. Chia theo đối tác quốc tế":*** Ghi số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&CN chia theo nước hoặc tổ chức quốc tế đối tác, ví dụ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *2.2. Chia theo đối tác quốc tế* | Mã số | Đơn vị tính | Tổng số | Tổng kinh phí (triệu đồng) |
| Hoa Kỳ |  | *Điều ước/thỏa thuận* | 1 | 700 |
| World Bank |  | *Điều ước/thỏa thuận* | 1 | 400 |

**Mục “3. Đoàn ra về KH&CN”**

***Mục “3.1. Chia theo nước đến nghiên cứu”:*** Thống kê theo số đoàn và số quốc gia được cử chính thức bằng một quyết định hành chính (của cấp chủ quản hoặc của thủ trưởng đơn vị/tổ chức). Trường hợp có nhiều quyết định cử người do mức độ phân cấp quản lý khác nhau (ví dụ, lãnh đạo đơn vị theo quyết định của lãnh đạo Bộ, nhân viên đi theo quyết định cử người của lãnh đạo đơn vị), nhưng nếu đi thành một đoàn cùng nhau, cùng mục đích, cùng địa điểm và cùng chuyến đi thì chỉ coi là một đoàn.

Đi dự hội nghị/hội thảo quốc tế ở nước ngoài cũng được coi là đoàn ra.

Ghi số lượng đoàn tương ứng.

***Mục “3.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện”:*** Ghi kinh phí cho đoàn ra về KH&CN chia theo nguồn cấp bao gồm: Trong nước và nước ngoài.

**Mục “4. Đoàn vào về KH&CN”**

***Mục “4.1. Chia theo nước cử đến nghiên cứu”:*** Đoàn vào là đoàn của cơ quan, đối tác nước ngoài, tổ chức quốc tế do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo về KH&CN tại Việt Nam. Không tính số đoàn đến thăm và làm việc với đơn vị/tổ chức nhưng do đơn vị khác chủ trì mời vào Việt Nam.

Ghi số lượng đoàn tương ứng.

***Mục “4.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện”:*** Ghi kinh phí cho đoàn vào về KH&CN chia theo nguồn cấp bao gồm: Trong nước và nước ngoài.

Ghi số lượng tương ứng.

**3) Nguồn số liệu**

Hồ sơ quản lý của Vụ Hợp tác quốc tế (Bộ KH&CN).

Số liệu thống kê do cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao được giao nhiệm vụ thống kê KH&CN; Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương tổng hợp./.